

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 - 6</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>7 - 8</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>9 - 13</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>14 - 16</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>17 - 18</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>19 - 63</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

**Khái quát về Tổng Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 25 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên, trong đó Giấy phép điều chỉnh lần thứ 25 số 41A/GPĐC25/KDBH ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc thành lập Công ty thành viên.

**Trụ sở chính**

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 0243 772 4466  
Fax : 0243 772 4460  
Mã số thuế : 0100774631

**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa tháp Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	Khối Yên Vinh, phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	Lô B94, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Tầng 4-5, tòa nhà 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Lô 122, BT 3-4, Khu Tây, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Tầng 2, Cao ốc Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xí, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**  
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tràng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sù Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 62 Trần Bình Trọng, Khóm 1, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
43 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình	Tầng 5, số 355 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
44 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hà Nội	Tầng 2, nhà nổi số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
45 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hồ Chí Minh	Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
46 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên	Tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
47 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
48 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thời đại số	Tầng 3, tòa nhà Comatce Tower, số 61 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
49 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Định	Tầng 3, tòa nhà Sun Village, Số 31-33 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
50 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Kiên Giang	Số 801-803 Đường 3 tháng 2, Khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**Lĩnh vực kinh doanh:** kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

**Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:**

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
  - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
  - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
  - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
  - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
  - Bảo hiểm xe cơ giới;
  - Bảo hiểm cháy, nổ;
  - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

## **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Kim Kang Wook	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Ko Young Joo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Park Suk Gon	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Hồ Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020

### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Park Ki Hyun	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Bae Taeg Soo	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020

### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Kim Lân	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 7 năm 2019
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 7 năm 2019
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2020
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2020

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Xuân Thu**

Ngày 30 tháng 8 năm 2020



Số: 1.1293/20/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2020, từ trang 9 đến trang 62, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Hoàng Đức**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>6.954.946.927.585</b>	<b>6.652.595.735.451</b>
<b>(100=110+120+130+140+150+190)</b>					
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>153.355.510.395</b>	<b>118.142.382.645</b>
1. Tiền		111		153.255.510.395	118.142.382.645
2. Các khoản tương đương tiền		112		100.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>3.720.078.997.883</b>	<b>3.178.426.833.594</b>
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	292.159.071.643	514.695.503.218
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(39.451.884.893)	(137.506.487.068)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	3.467.371.811.133	2.801.237.817.444
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>905.585.390.130</b>	<b>957.125.800.733</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	493.204.642.499	652.578.397.027
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		476.619.722.716	608.316.325.735
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		16.584.919.783	44.262.071.292
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	129.873.400.247	90.460.808.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		13.140.000.000	13.140.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5a	316.071.999.625	249.425.428.475
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(46.704.652.241)	(48.478.832.867)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>14.599.741.323</b>	<b>15.999.232.660</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.7	14.599.741.323	15.999.232.660
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>410.315.100.229</b>	<b>399.506.624.819</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	406.193.786.715	392.988.957.776
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		404.947.362.165	392.345.860.078
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		1.246.424.550	643.097.698
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		3.261.104.989	6.043.436.712
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.9	860.208.525	474.230.331
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>		<b>190</b>	<b>V.22c</b>	<b>1.751.012.187.625</b>	<b>1.983.394.861.000</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191		1.282.170.582.438	1.373.748.583.697
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192		468.841.605.187	609.646.277.303



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1.018.097.805.995</b>	<b>961.951.592.092</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>60.912.695.256</b>	<b>83.259.389.178</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211	V.13	-	250.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.5b	60.912.695.256	83.009.389.178
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		10.280.000.000	10.280.000.000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		50.632.695.256	72.729.389.178
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>117.878.411.549</b>	<b>107.256.657.789</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	110.452.867.400	98.932.022.661
Nguyên giá		222		234.710.472.363	215.890.678.814
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(124.257.604.964)	(116.958.656.153)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	7.425.544.149	8.324.635.128
Nguyên giá		228		18.960.592.486	18.637.092.486
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(11.535.048.337)	(10.312.457.358)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>132.441.011.195</b>	<b>134.269.251.437</b>
Nguyên giá		231		145.709.389.296	145.709.389.296
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(13.268.378.101)	(11.440.137.859)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>240</b>		<b>34.998.191.793</b>	<b>49.296.477.314</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	28.542.791.797
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.13	34.998.191.793	20.753.685.517
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		<b>647.067.299.732</b>	<b>553.852.252.675</b>
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	V.2c	44.359.180.878	42.383.971.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2d	41.510.000.000	96.373.299.985
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	V.2e	(11.813.439.932)	(47.742.571.184)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	V.2b	573.011.558.786	462.837.552.461
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>24.800.196.471</b>	<b>34.017.563.699</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	23.552.510.303	32.537.961.484
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	41.332.557
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
5. Lợi thế thương mại		269		1.247.686.168	1.438.269.658
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>7.973.044.733.580</b>	<b>7.614.547.327.543</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>6.073.393.266.535</b>	<b>5.746.984.869.886</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>6.063.014.105.193</b>	<b>5.734.022.260.756</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	613.659.646.279	554.948.319.769
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		585.467.021.442	500.572.000.572
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		28.192.624.837	54.376.319.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.15	9.924.693.229	6.817.186.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	54.728.322.909	51.618.893.485
4. Phải trả người lao động		314		165.022.354.532	61.510.981.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		3.906.215.497	13.439.688.892
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1	V.17	89.965.149.290	119.073.727.582
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2	V.18	335.179.387.772	293.161.262.536
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19a	217.764.263.220	106.110.480.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.20a	188.207.130.731	6.287.285.564
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	95.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		187.836.139	175.336.139
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
15. Dự phòng nghiệp vụ		329		4.384.469.105.595	4.425.879.098.143
15.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	V.21a	3.264.037.381.276	3.160.260.976.999
15.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.2	V.21a	995.685.003.512	1.161.842.936.713
15.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		329.3	V.21c	124.746.720.807	103.775.184.431
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>10.379.161.342</b>	<b>12.962.609.130</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.19b	1.261.835.586	1.320.665.586
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.20b	9.117.325.756	11.360.701.654
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	281.241.890
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>1.899.651.467.045</b>	<b>1.867.562.457.657</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>1.899.651.467.045</b>	<b>1.867.562.457.657</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		827.943.052.804	827.943.052.804
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		24.031.389.849	22.927.850.857
9. Quỹ dự trữ bắt buộc		419		55.402.458.511	55.402.458.511
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		183.565.366.570	151.901.227.577
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		66.243.987.386	151.901.227.577
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		117.321.379.184	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		4.752.109.311	5.430.777.908
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>7.973.044.733.580</b>	<b>7.614.547.327.543</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		262.310.608.480	207.619.235.541
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		165.437,40	347.266,52
Euro (EUR)		28.150,97	28.156,27
Bảng Anh (£)		324,83	328,03

Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		2.278.769.788.899	1.866.251.151.622
1.2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.3	13.142.921.069	68.882.905.720
2.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.4	3.484.544.009	4.311.145.013
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.9	87.627.704.151	111.370.394.319
4.	Thu nhập khác	13		2.436.319.621	405.181.621
5.	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		1.954.291.092.047	1.492.742.009.342
5.2	Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2		7.805.061.326	60.568.562.943
6.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.8	2.068.859.742	2.550.744.188
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.10	(1.956.661.078)	90.182.700.944
8.1	Chi phí bán hàng	23.1		-	1.115.384.620
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.11	278.240.811.193	373.096.818.857
9.	Chi phí khác	24		723.832.728	379.523.631
10.1	Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		1.975.209.465	1.436.373.203
10.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20.1-20.2-21-22-23.1-23.2-24)	50.2		146.263.491.256	32.021.406.973
11.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	28.883.382.811	4.848.050.076
12.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>117.380.108.445</u>	<u>27.173.356.897</u>
13.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		58.729.261	17.039.356
13.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.2		117.321.379.184	27.156.317.541
14.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>1.401</u>	<u>326</u>
15.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>1.401</u>	<u>326</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>2.886.088.436.077</b>	<b>2.097.331.097.093</b>
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		2.950.844.150.235	2.754.741.402.749
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		39.020.690.119	45.210.093.454
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		103.776.404.277	702.620.399.110
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)</b>	<b>02</b>	<b>VI.2</b>	<b>984.289.203.971</b>	<b>589.345.438.775</b>
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		892.711.202.712	1.110.481.337.346
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(91.578.001.259)	521.135.898.571
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>1.901.799.232.106</b>	<b>1.507.985.658.318</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>376.970.556.793</b>	<b>358.265.493.304</b>
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	V.18	247.582.720.016	153.560.676.624
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		129.387.836.777	204.704.816.680
<b>5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10.1</b>		<b>2.278.769.788.899</b>	<b>1.866.251.151.622</b>
<b>5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác</b>	<b>10.2</b>	<b>VI.3</b>	<b>13.142.921.069</b>	<b>68.882.905.720</b>
<b>6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>	<b>VI.5</b>	<b>981.997.318.834</b>	<b>924.104.660.273</b>
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		993.856.155.163	932.810.254.713
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		11.858.836.329	8.705.594.440
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>	<b>VI.5</b>	<b>258.163.106.366</b>	<b>240.223.133.612</b>
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>	<b>VI.5</b>	<b>(166.157.933.201)</b>	<b>(38.336.814.764)</b>
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>	<b>VI.5</b>	<b>(140.804.672.116)</b>	<b>(32.414.667.147)</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>VI.5</b>	<b>698.480.951.383</b>	<b>677.959.379.044</b>
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>		<b>20.971.536.376</b>	<b>16.894.701.588</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>VI.6</b>	<b>1.234.838.604.288</b>	<b>797.887.928.710</b>
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		334.017.870.003	180.143.392.157
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		900.820.734.285	617.744.536.553



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		1.954.291.092.047	1.492.742.009.342
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2	VI.7	7.805.061.326	60.568.562.943
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		324.478.696.852	373.509.142.280
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		5.337.859.743	8.314.342.777
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.4	3.484.544.009	4.311.145.013
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.8	2.068.859.742	2.550.744.188
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		1.415.684.267	1.760.400.825
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.9	87.627.704.151	111.370.394.319
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.10	(1.956.661.078)	90.182.700.944
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		89.584.365.229	21.187.693.375
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		-	1.115.384.620
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.11	278.240.811.193	373.096.818.857
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		142.575.794.898	30.559.375.780
23. Thu nhập khác	31		2.436.319.621	405.181.621
24. Chi phí khác	32		723.832.728	379.523.631
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.712.486.893	25.657.990
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		1.975.209.465	1.436.373.203
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		146.263.491.256	32.021.406.973
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	28.883.382.811	4.848.050.076
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		117.380.108.445	27.173.356.897
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		117.321.379.184	27.156.317.541
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.1		58.729.261	17.039.356
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.401	326
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.12	1.401	326

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	146.263.491.256	32.021.406.973
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.066.730.156	11.831.179.116
- Các khoản dự phòng	03	(37.021.843.626)	140.393.136.691
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(137.023.136.591)	(81.822.575.726)
- Chi phí lãi vay	06 VI.10	2.536.114.401	4.190.265.898
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.178.644.405)	106.613.412.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	84.180.022.610	(179.194.835.225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	29.942.283.134	(6.828.449.317)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	201.183.649.877	443.266.543.497
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.219.377.758)	(113.232.577.790)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	222.536.431.575	(24.642.043.737)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.536.114.401)	(4.190.265.898)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.835.716.466)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	147.368.138
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>499.085.034.166</b>	<b>221.939.152.619</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(36.164.970.319)	(76.166.791.129)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	345.454.546	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.219.529.281.091)	(1.072.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.443.001.670.382	703.626.247.522
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26 V.2d	69.310.598.524	60.369.914.197
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.620.099.363	70.550.362.701
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(643.416.428.595)</b>	<b>(313.870.266.709)</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.20	182.767.652.192	262.956.927.372
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.20	(3.091.182.923)	(192.786.416.224)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.23c	(131.947.090)	(9.890.148.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	179.544.522.179	60.280.362.540
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	35.213.127.750	(31.650.751.549)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	118.142.382.645	124.625.653.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	153.355.510.395	92.974.902.053

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### **5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng không số ngày 27 tháng 12 năm 2019 với giá chuyển nhượng là 9.800 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 11.740.400.000 VND, đã thu bằng tiền 11.700.000.000 VND, lãi từ giao dịch chuyển nhượng Công ty con là 1.446.609.451 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

##### Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán BĐS và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%

##### Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đặng Nguyễn	Số 64, ngách 180A/3 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội, Vietnam	Cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99%	99%	99%

Công ty Cổ phần Đặng Nguyễn được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102691204 đăng ký lần đầu ngày 24/03/2008 và thay đổi lần 11 vào ngày 21/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hoạt động chính của về cung cấp dịch vụ về điện tử viễn thông. Công ty Cổ phần Đặng Nguyễn được Công ty Cổ phần IBS Việt Nam mua lại vào năm 2014.

#### 5c. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 Tập đoàn có 2.342 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.292 nhân viên).

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá  $\pm 1\%$  so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chủ yếu là chi phí hoa hồng chưa phân bổ, Tiền thuê văn phòng, Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Chi phí hoa hồng chưa phân bổ***

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

#### ***Chi phí phát triển đại lý***

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### ***Tiền thuê văn phòng***

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

#### ***Công cụ dụng cụ***

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 04 năm.

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	20 - 50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Công văn phê duyệt số 3281/BTC-QLBH ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

#### 14.1. Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

##### *Dự phòng phí chưa được hưởng*

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

##### *Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	--	---	---	---	--

##### *Dự phòng dao động lớn*

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 14.2. Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

#### Dự phòng toán học

Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai, được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

#### Dự phòng phí chưa được hưởng

Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, được trích lập theo phương pháp tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

#### Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	---	--	---	---

#### Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập dự phòng hằng năm được áp dụng theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng này được sử dụng để trả tiền bồi thường khi có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro dẫn đến tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của Tổng Công ty. Số tiền tối đa được sử dụng được tính theo công thức sau:

$\frac{\text{Số tiền được sử dụng trong năm TC hiện tại}}{\text{Số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm TC hiện tại}}$	=	$\frac{\text{Tổng phí bảo hiểm giữ lại của năm TC hiện tại}}{\text{Dự phòng phí chưa được hưởng tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải trích lập trong năm TC hiện tại}}$	-	$\frac{\text{Dự phòng bồi thường tương ứng với trách nhiệm giữ lại cho khiếu nại chưa giải quyết phải lập vào năm TC hiện tại}}$
---	---	---	---	--



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **15. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **16. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### ***Quỹ dự trữ bắt buộc***

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **17. Ghi nhận doanh thu, chi phí**

#### **17.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

##### ***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn).



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và chi hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

### ***Chi bồi thường***

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

### ***Hoa hồng***

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

## **17.2. Hoạt động nhận tái bảo hiểm**

### ***Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định***

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

### ***Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

## **17.3. Hoạt động nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **17.4. Hoạt động đầu tư**

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### ***Chi phí hoạt động đầu tư***

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **22. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.645.899.957	7.262.997.130
Tiền gửi ngân hàng	143.602.610.438	107.623.805.515
Tiền đang chuyển	7.000.000	3.255.580.000
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> )	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>153.355.510.395</b>	<b>118.142.382.645</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Chứng khoán niêm yết</b>	<b>142.664.691.293</b>	<b>103.212.806.400</b>	<b>(39.451.884.893)</b>	<b>354.701.122.868</b>	<b>222.571.116.000</b>	<b>(137.506.487.068)</b>
LPB	92.904.379.333	72.472.415.400	(20.431.963.933)	176.384.114.856	126.722.400.000	(57.671.626.556)
OIL	14.904.794.131	6.275.850.000	(8.628.944.131)	121.619.935.754	56.570.010.000	(62.416.494.254)
HUT	16.594.314.543	10.920.000.000	(5.674.314.543)	33.347.829.873	20.256.720.000	(13.091.109.873)
Các mã khác	18.261.203.286	13.544.541.000	(4.716.662.286)	23.349.242.385	19.021.986.000	(4.327.256.385)
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>	<b>149.494.380.350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>159.994.380.350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
ALS	49.500.000.000	-	-	60.000.000.000	-	-
OCB	99.994.380.350	-	-	99.994.380.350	-	-
<b>Cộng</b>	<b>292.159.071.643</b>	<b>103.212.806.400</b>	<b>(39.451.884.893)</b>	<b>514.695.503.218</b>	<b>222.571.116.000</b>	<b>(137.506.487.068)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	137.506.487.068	76.375.920.784
Trích lập dự phòng bổ sung	561.024.586	77.549.401.274
Hoàn nhập dự phòng	(98.615.626.761)	(13.533.777.542)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>39.451.884.893</b>	<b>140.391.544.516</b>

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.467.371.811.133</b>	<b>-</b>	<b>2.801.237.817.444</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	3.312.537.511.133	-	2.696.403.517.444	-
Đầu tư trái phiếu	150.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành công <sup>(ii)</sup>	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai <sup>(iii)</sup>	100.000.000.000	-	-	-
Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	-	50.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	4.834.300.000	-	4.834.300.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>573.011.558.786</b>	<b>(7.344.000.000)</b>	<b>462.837.552.461</b>	<b>(7.344.000.000)</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	465.011.558.786	-	341.924.109.589	-
Đầu tư trái phiếu <sup>(iv)</sup>	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	8.000.000.000	(7.344.000.000)	20.913.442.872	(7.344.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>4.040.383.369.919</b>	<b>(7.344.000.000)</b>	<b>3.264.075.369.905</b>	<b>(7.344.000.000)</b>

(i) Tổng Công ty sử dụng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 lần lượt là 334.202.043.471 VND và 120.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (xem thuyết minh số V.21).

(ii) Tổng Công ty nắm giữ 50 trái phiếu, tương đương 50.000.000.000 VND do Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công phát hành, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018, lãi suất 11,5%/năm.

(iii) Tổng Công ty nắm giữ 1.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND do Công ty Cổ phần Điện Gia Lai phát hành, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019, lãi suất 12,0%/năm.

(iv) Tổng Công ty nắm giữ 1.000.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp phát hành, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020, lãi suất 10,9%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2c. Đầu tư vào Công ty liên kết**

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang <sup>(i)</sup>	20.152.200.000	7.797.611.581	27.949.811.581	20.152.200.000	6.420.408.828	26.572.608.828
Công ty Cổ phần Kasati <sup>(ii)</sup>	14.292.700.000	2.116.669.297	16.409.369.297	14.292.700.000	1.518.662.585	15.811.362.585
<b>Cộng</b>	<b>34.444.900.000</b>	<b>9.914.280.878</b>	<b>44.359.180.878</b>	<b>34.444.900.000</b>	<b>7.939.071.413</b>	<b>42.383.971.413</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang 1.000.000 USD, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký là 1.000.000 USD tương đương 20.152.200.000 VND.

<sup>(ii)</sup> Tổng Công ty sở hữu 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá trị sổ sách là 14.292.700.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phân lãi hoặc lỗ trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	26.572.608.828	1.377.202.753	-	27.949.811.581
Công ty Cổ phần Kasati	15.811.362.585	830.476.770	(232.470.058)	16.409.369.297
<b>Cộng</b>	<b>42.383.971.413</b>	<b>2.207.679.523</b>	<b>(232.470.058)</b>	<b>44.359.180.878</b>

**Tình hình hoạt động của các công ty liên kết**

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**Giao dịch với các công ty liên kết**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang</b>		
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	152.291.073.909	194.385.725.486
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	62.501.019.409	81.859.803.500
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	57.943.386.510	97.178.212.784
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	3.750.521.223	1.875.203.045
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	907.442.750	464.421.276
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	87.852.687	2.433.328.946

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	(4.469.439.932)	15.000.000.000	(4.469.439.932)
Công ty Cổ phần Du lịch Bru điện	2.940.000.000	-	2.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	-	17.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	-	-	54.863.299.985	(35.929.131.252)
<b>Cộng</b>	<b>41.510.000.000</b>	<b>(4.469.439.932)</b>	<b>96.373.299.985</b>	<b>(40.398.571.184)</b>

**2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.344.000.000	7.344.000.000
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.469.439.932	40.398.571.184
<b>Cộng</b>	<b>11.813.439.932</b>	<b>47.742.571.184</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	47.742.571.184	83.623.256.530
Trích lập dự phòng bổ sung	-	335.686.935
Sử dụng dự phòng	(35.929.131.252)	(25.176.375.649)
Hoàn nhập dự phòng	-	(11.143.877.253)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.813.439.932</b>	<b>47.638.690.563</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	358.270.521.403	340.234.806.699
Phải thu về tái bảo hiểm	118.349.201.313	268.081.519.036
Phải thu khác của khách hàng	16.584.919.783	44.262.071.292
<b>Cộng</b>	<b>493.204.642.499</b>	<b>652.578.397.027</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	103.431.158.101	69.265.768.884
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	867.142.492	1.030.789.360
Trả trước cho nhà cung cấp khác	25.575.099.654	20.164.249.854
<b>Cộng</b>	<b>129.873.400.247</b>	<b>90.460.808.098</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**5. Các khoản phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	198.628.197.963	166.476.012.232
Tạm ứng hoa hồng đại lý	21.263.982.840	18.000.000.000
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Tạm ứng	55.955.875.313	14.667.161.599
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.384.668.885	1.638.862.379
Các khoản phải thu khác	30.225.092.870	43.029.210.511
<b>Cộng</b>	<b>316.071.999.625</b>	<b>249.425.428.475</b>

**5b. Phải thu dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	10.280.000.000	10.280.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	50.632.695.256	72.729.389.178
<b>Cộng</b>	<b>60.912.695.256</b>	<b>83.009.389.178</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	882.704.038	754.492.530
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.428.914.492	1.319.189.201
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	565.533.910	1.319.264.949
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	43.827.499.801	45.085.886.187
<b>Cộng</b>	<b>46.704.652.241</b>	<b>48.478.832.867</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	48.478.832.867	60.832.254.221
Trích lập dự phòng bổ sung	989.208.974	1.263.313.456
Sử dụng dự phòng	-	(11.146.059.438)
Hoàn nhập dự phòng	-	(212.129.601)
Giảm do thanh lý Công ty con	(2.763.389.600)	(212.129.601)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>46.704.652.241</b>	<b>50.525.249.037</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.263.405.550	5.042.401.632
Công cụ, dụng cụ	227.868.742	446.455.942
Hàng hóa	10.108.467.031	10.510.375.086
<b>Cộng</b>	<b>14.599.741.323</b>	<b>15.999.232.660</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	404.947.362.165	392.345.860.078
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.246.424.550	643.097.698
<b>Cộng</b>	<b>406.193.786.715</b>	<b>392.988.957.776</b>

(\*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số dư đầu năm	392.345.860.078	233.777.609.509
Số phát sinh trong kỳ	346.619.372.090	299.403.217.728
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(334.017.870.003)	(180.143.392.158)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>404.947.362.165</b>	<b>353.037.435.079</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ	3.757.311.771	6.219.685.369
Chi phí thuê nhà	3.524.396.638	4.293.023.339
Chi phí phát triển đại lý	526.774.300	397.927.853
Các khoản chi phí khác	15.744.027.594	21.627.324.923
<b>Cộng</b>	<b>23.552.510.303</b>	<b>32.537.961.484</b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	801.988	801.988
Thuế thu nhập cá nhân	844.112.310	384.274.774
Các loại thuế khác	15.294.227	89.153.569
<b>Cộng</b>	<b>860.208.525</b>	<b>474.230.331</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	53.392.648.892	13.913.270.996	113.428.484.970	35.156.273.956	215.890.678.814
Mua trong kỳ	-	-	1.299.648.182	584.744.818	1.884.393.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	20.907.689.163	-	-	20.907.689.163
Giảm do thanh lý Công ty con	(676.312.055)	-	(945.425.818)	(34.500.000)	(1.656.237.873)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.316.050.741)	-	(2.316.050.741)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>52.716.336.837</b>	<b>34.820.960.159</b>	<b>111.466.656.593</b>	<b>35.706.518.774</b>	<b>234.710.472.363</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.526.834.367	33.850.000	26.601.876.085	17.079.359.126	53.241.919.578
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	26.959.018.606	1.018.628.295	65.401.062.919	23.579.946.333	116.958.656.153
Khấu hao trong kỳ	2.600.014.368	462.679.206	4.695.940.845	2.130.764.516	9.889.398.935
Giảm do thanh lý Công ty con	(215.192.302)	-	(945.425.818)	(34.500.000)	(1.195.118.120)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.395.332.004)	-	(1.395.332.004)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.343.840.672</b>	<b>1.481.307.501</b>	<b>67.756.245.942</b>	<b>25.676.210.849</b>	<b>124.257.604.964</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	26.433.630.286	12.894.642.701	48.027.422.051	11.576.327.623	98.932.022.661
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.372.496.166</b>	<b>33.339.652.658</b>	<b>43.710.410.651</b>	<b>10.030.307.925</b>	<b>110.452.867.400</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.096.806.800	13.540.285.686	18.637.092.486
Mua sắm trong kỳ	-	450.000.000	450.000.000
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(126.500.000)	(126.500.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.096.806.800</b>	<b>13.863.785.686</b>	<b>18.960.592.486</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.456.858.567	7.456.858.567
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	10.312.457.358	10.312.457.358
Khấu hao trong kỳ	-	1.349.090.979	1.349.090.979
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(126.500.000)	(126.500.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>11.535.048.337</b>	<b>11.535.048.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.096.806.800	3.227.828.328	8.324.635.128
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.096.806.800</b>	<b>2.328.737.349</b>	<b>7.425.544.149</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn chỉ bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc dùng để cho thuê, chi phí khấu hao trong kỳ là 1.828.240.242 VND.

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Sản thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy lợi 4	86.512.743.262	8.334.172.788	78.178.570.474
FLC Quy Nhơn	22.557.136.380	3.956.266.699	18.600.869.681
Dự án Tasco	36.639.509.654	977.938.614	35.661.571.040
<b>Cộng</b>	<b>145.709.389.296</b>	<b>13.268.378.101</b>	<b>132.441.011.195</b>

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong kỳ lần lượt là 3.484.544.009 VND và 2.068.859.742 VND.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển sang hàng hóa BĐS	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	10.956.459.398	2.805.812.590	(1.338.880.000)	(45.599.790)	-	12.377.792.198
XDCB dở dang	38.340.017.916	5.188.887.576	(20.907.689.163)	-	(816.734)	22.620.399.595
<b>Cộng</b>	<b>49.296.477.314</b>	<b>7.994.700.166</b>	<b>(22.246.569.163)</b>	<b>(45.599.790)</b>	<b>(816.734)</b>	<b>34.998.191.793</b>

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	257.326.876.644	144.799.167.468
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	319.142.756.129	338.244.791.629
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	8.997.388.669	17.528.041.475
Phải trả cho nhà cung cấp khác	28.192.624.837	54.376.319.197
<b>Cộng</b>	<b>613.659.646.279</b>	<b>554.948.319.769</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	9.693.977.020	6.605.563.922
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	230.716.209	211.622.914
<b>Cộng</b>	<b>9.924.693.229</b>	<b>6.817.186.836</b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23.503.867.660	25.185.493.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.244.017.956	14.414.608.010
Thuế thu nhập cá nhân	7.717.663.102	11.570.518.192
Các loại thuế khác	262.774.191	448.274.098
<b>Cộng</b>	<b>54.728.322.909</b>	<b>51.618.893.485</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

#### 18. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	293.161.262.536	155.855.656.519
Trích hoa hồng trong kỳ	289.600.845.252	249.299.581.631
Hoàn nhập hoa hồng trong kỳ	(247.582.720.016)	(153.560.676.624)
Số cuối kỳ	<b>335.179.387.772</b>	<b>251.594.561.526</b>

#### 19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

##### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	4.840.519.702	4.749.641.271
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.019.655.644	580.138.788
Cổ tức phải trả	89.920.911.071	9.657.149.161
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.905.112.751	2.474.729.464
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	40.394.228.706	19.528.905.584
Quỹ khen thưởng khách hàng	1.927.012.941	2.623.473.949
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.182.050.908	855.136.400
Ứng trước tiền bán chứng khoán	6.000.000.000	6.663.249.226
Phải trả phải nộp khác	68.574.771.497	58.978.056.647
Cộng	<b>217.764.263.220</b>	<b>106.110.480.490</b>

##### 19b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****20. Vay****20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>180.762.500.000</i>	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <sup>(i)</sup>	160.762.500.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hoàn Kiếm <sup>(ii)</sup>	20.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn khác</i>	<i>5.095.000.000</i>	<i>920.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.20b)</i>	<i>2.349.630.731</i>	<i>5.367.285.564</i>
<b>Cộng</b>	<b>188.207.130.731</b>	<b>6.287.285.564</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mục đích để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 9.800.000 USD, lãi suất "LIBOR 3 tháng + biên độ 0,8%". Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 334.202.043.471 VND (xem thuyết minh số V.2b).

<sup>(ii)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm, mục đích để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND, lãi suất bằng "bình quân lãi suất tiền gửi 3 tháng (dành cho doanh nghiệp) của các ngân hàng quốc doanh Việt Nam + biên độ 0.65%/năm". Khoản vay được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 120.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2b).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	180.762.500.000	-	-	180.762.500.000
Vay ngắn hạn khác	920.000.000	-	-	-	5.095.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.367.285.564	-	4.248.528.090	(3.091.182.923)	2.349.630.731
<b>Cộng</b>	<b>6.287.285.564</b>	<b>180.762.500.000</b>	<b>4.248.528.090</b>	<b>(3.091.182.923)</b>	<b>188.207.130.731</b>

**20b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cầu Giấy <sup>(i)</sup>	2.117.325.756	5.846.450.933
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm <sup>(ii)</sup>	7.000.000.000	5.514.250.721
<b>Cộng</b>	<b>9.117.325.756</b>	<b>11.360.701.654</b>

Là các khoản vay của Công ty Cổ phần IBS Việt Nam, theo các hợp đồng sau:

- <sup>(i)</sup> Hợp đồng tín dụng số HDTD1112018305 ngày 22/06/2018 với mục đích vay hoàn vốn và thanh toán tiền cho nhà cung cấp các chi phí đã đầu tư vào Dự án lắp đặt hệ thống Building 2 tòa nhà, với số tiền là 3,7 tỷ đồng, thời hạn vay 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thuê hệ thống phủ sóng Building số 01/2016/HDKT-CNPT-HNI-IBS ngày 12/5/2016, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng cho thuê hệ thống inbuilding với Tập đoàn viễn thông và các tài sản khác gồm các giấy tờ có giá, phương tiện vận tải và bất động sản của Công ty và bên liên quan quy định tại hợp đồng.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7611300/HĐTD ngày 17/12/2018 với mục đích Đầu tư hệ thống thiết bị viễn thông và nhân công phục vụ thi công hạ tầng dự án Đầu tư xây dựng hệ thống phủ sóng Inbuilding 5 tòa nhà, số tiền giải ngân là 7 tỷ đồng, thời hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn năm thứ nhất là 8,5%/năm; các năm tiếp theo lãi suất huy động vốn dân cư kỳ hạn 24 tháng trả sau của BIDV Gia Lâm + 3%/năm. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi số 01/2018/HĐTG ngày 16/11/2018, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế và số dư tiền VND, ngoại tệ tại BIDV và các tổ chức tín dụng khác.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	11.360.701.654
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	2.005.152.192
Kết chuyển vay đến hạn trả	(4.248.528.090)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.117.325.756</b>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Dự phòng nghiệp vụ

21a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1. Dự phòng bồi thường <sup>(i)</sup>	995.685.003.512	468.841.605.187	526.843.398.325	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	832.709.764.012	378.617.482.930	454.092.281.082	1.018.867.697.213	519.422.155.045	499.445.542.168
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	162.975.239.500	90.224.122.257	72.751.117.243	142.975.239.500	90.224.122.258	52.751.117.242
2. Dự phòng phí chưa được hưởng <sup>(ii)</sup>	3.264.037.381.276	1.282.170.582.438	1.981.866.798.838	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302
Cộng	4.259.722.384.788	1.751.012.187.625	2.508.710.197.163	4.322.103.913.712	1.983.394.861.000	2.338.709.052.712
Trong đó chi tiết:	6 tháng đầu năm nay			6 tháng đầu năm trước		
<sup>(i)</sup> Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417
Số trích lập trong kỳ	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Số hoàn nhập trong kỳ	(186.157.933.201)	(140.804.672.116)	(45.353.261.085)	(58.336.814.764)	(32.414.667.146)	(25.922.147.618)
Số cuối kỳ	995.685.003.512	468.841.605.187	526.843.398.325	858.578.936.149	315.011.292.350	543.567.643.799
<sup>(ii)</sup> Dự phòng phí chưa được hưởng	6 tháng đầu năm nay			6 tháng đầu năm trước		
Số đầu năm	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781
Số trích lập trong kỳ	103.776.404.277	-	103.776.404.277	702.620.299.110	521.135.898.571	181.484.400.539
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(91.578.001.259)	91.578.001.259	-	-	-
Số cuối kỳ	3.264.037.381.276	1.282.170.582.438	1.981.866.798.838	2.847.212.504.719	1.253.613.518.399	1.593.598.986.320



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**21b. Tài sản tái bảo hiểm**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>468.841.605.187</i>	<i>609.646.277.303</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	378.617.482.930	519.422.155.045
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	90.224.122.257	90.224.122.258
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>1.282.170.582.438</i>	<i>1.373.748.583.697</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.751.012.187.625</b>	<b>1.983.394.861.000</b>

**21c. Dự phòng dao động lớn**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số dư đầu năm	103.775.184.431	98.160.886.772
Số trích lập thêm trong kỳ	20.971.536.376	16.894.701.588
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>124.746.720.807</b>	<b>115.055.588.360</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 22. Vốn chủ sở hữu

##### 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>6 tháng đầu năm 2019</b>							
Số dư đầu năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	22.644.374.262	49.884.763.553	110.585.835.597	964.205.519	1.815.979.321.735
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	27.156.317.541	17.039.356	27.173.356.897
Trích quỹ đầu tư phát triển kỳ trước	-	-	183.476.595	-	(183.476.595)	-	-
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(64.316.567.200)	-	(64.316.567.200)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(183.476.595)	-	(183.476.595)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(917.382.977)	-	(917.382.977)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(366.953.191)	-	(366.953.191)
Hợp nhất theo vốn chủ	-	-	-	-	-	4.307.070.547	4.307.070.547
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	(21.778.439)	21.778.439	-
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	-	-	(1.825.668.752)	(21.827.875)	(1.847.496.626)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>803.957.090.000</b>	<b>827.943.052.804</b>	<b>22.827.850.857</b>	<b>49.884.763.553</b>	<b>69.926.849.390</b>	<b>5.288.265.986</b>	<b>1.779.827.872.590</b>
<b>6 tháng đầu năm 2020</b>							
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	22.927.850.857	55.402.458.511	151.901.227.577	5.430.777.908	1.867.562.457.657
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	117.321.379.184	58.729.261	117.380.108.445
Trích quỹ đầu tư phát triển kỳ này	-	-	1.103.538.992	-	(1.103.538.992)	-	-
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(80.395.709.000)	-	(80.395.709.000)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(1.103.538.992)	-	(1.103.538.992)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.103.538.992)	-	(1.103.538.992)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2.207.077.982)	-	(2.207.077.982)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	281.241.890	(719.335.500)	(438.093.610)
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	(25.078.123)	(18.062.358)	(43.140.481)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>803.957.090.000</b>	<b>827.943.052.804</b>	<b>24.031.389.849</b>	<b>55.402.458.511</b>	<b>183.565.366.570</b>	<b>4.752.109.311</b>	<b>1.899.651.467.045</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	<b>1.631.900.142.804</b>	<b>1.631.900.142.804</b>

#### 22c. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	9.657.149.161	10.686.233.993
Chia cổ tức từ lợi nhuận kỳ trước	80.395.709.000	64.316.567.200
Cổ tức đã trả trong kỳ	(131.947.090)	(65.345.652.032)
Cổ tức chưa trả cuối năm	<b>89.920.911.071</b>	<b>9.657.149.161</b>

#### 22d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 22e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 49/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 80.395.709.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.103.538.992
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 1.103.538.992
• Chi thù lao và thưởng HĐQT và BKS	: 1.103.538.992
• Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	: 2.207.077.982

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo hiểm gốc	2.950.844.150.235	2.754.741.402.749
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1.039.038.983.002	1.034.894.603.737
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	199.831.976.767	170.515.601.772
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	66.933.487.937	66.252.888.948
Bảo hiểm hàng không	20.474.283.101	21.927.097.172
Bảo hiểm xe cơ giới	1.335.005.425.727	1.243.232.880.543
Bảo hiểm cháy, nổ	214.165.205.676	157.843.414.943
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	46.483.877.601	37.322.631.483
Bảo hiểm trách nhiệm chung	20.793.010.641	22.603.280.307
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	8.117.899.783	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	149.003.844
Phí nhận tái bảo hiểm	39.020.690.119	45.210.093.454
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(103.776.404.277)	(702.620.399.110)
<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>2.886.088.436.077</b>	<b>2.097.331.097.093</b>

**2. Phí nhượng tái bảo hiểm**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	892.711.202.712	1.110.481.337.346
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	487.185.467.629	324.563.589.853
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	220.951.635.234	557.716.464.033
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	22.285.927.499	26.477.838.343
Bảo hiểm xe cơ giới	(386.708.787)	109.544.659.504
Bảo hiểm cháy, nổ	141.300.932.410	69.220.139.523
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	19.449.102.279	20.840.085.119
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.924.846.448	2.118.560.970
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	91.578.001.259	(521.135.898.571)
<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>984.289.203.971</b>	<b>589.345.438.775</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	-	56.960.764.989
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	13.142.921.069	11.922.140.731
<b>Cộng</b>	<b>13.142.921.069</b>	<b>68.882.905.720</b>

#### 4. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.484.544.009	4.311.145.013
<b>Cộng</b>	<b>3.484.544.009</b>	<b>4.311.145.013</b>

#### 5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường	993.856.155.163	932.810.254.713
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	279.237.702.981	228.707.487.422
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	67.314.827.126	100.208.406.595
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	19.640.261.006	39.316.122.924
Bảo hiểm xe cơ giới	546.461.376.735	522.634.522.142
Bảo hiểm cháy, nổ	10.192.783.675	15.111.004.853
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	67.242.164.640	18.975.010.854
Bảo hiểm trách nhiệm chung	3.767.039.000	7.857.699.923
Các khoản giảm trừ	(11.858.836.329)	(8.705.594.440)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(258.163.106.366)	(240.223.133.612)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(166.157.933.201)	(38.336.814.764)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	140.804.672.116	32.414.667.147
<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>698.480.951.383</b>	<b>677.959.379.044</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	334.017.870.003	180.143.392.157
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	368.917.752.918	211.924.992.189
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	6.252.123.601	7.100.701.651
Chi các quỹ bảo hiểm	8.006.096.381	16.366.642.794
Chi phí khác	517.644.761.385	382.352.199.919
<b>Cộng</b>	<b>1.234.838.604.288</b>	<b>797.887.928.710</b>

**7. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	-	54.529.906.319
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	7.805.061.326	6.038.656.624
<b>Cộng</b>	<b>7.805.061.326</b>	<b>60.568.562.943</b>

**8. Giá vốn bất động sản đầu tư**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	2.068.859.742	2.550.744.188

**9. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	71.318.445.957	72.526.810.723
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	94.247.211	163.702.054
Lãi thanh lý Công ty con	1.166.609.451	-
Lãi hoạt động đầu tư dài hạn	4.587.986.386	838.478.337
Lãi kinh doanh chứng khoán	9.010.524.830	29.050.241.858
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.020.913.464
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.432.813.271	1.110.537.598
Các khoản khác	17.077.046	659.710.285
<b>Cộng</b>	<b>87.627.704.151</b>	<b>111.370.394.319</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	2.536.114.401	4.190.265.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.951.070.066	3.307.315.734
Lỗ kinh doanh chứng khoán	124.538.816.538	18.096.285.870
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(131.079.825.960)	63.621.424.763
Chi phí khác	97.163.877	967.408.680
<b>Cộng</b>	<b>(1.956.661.078)</b>	<b>90.182.700.944</b>

**11. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	121.662.518.274	223.947.892.592
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.763.727.626	10.294.926.670
Chi phí dụng cụ quản lý	6.355.214.595	5.751.379.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.122.138.713	7.244.684.442
Thuế, phí và lệ phí	11.181.927.563	8.108.498.137
Chi phí dự phòng	989.208.974	407.728.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.649.025.342	42.589.346.428
Chi phí khác bằng tiền	69.517.050.106	74.752.362.428
<b>Cộng</b>	<b>278.240.811.193</b>	<b>373.096.818.857</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	117.321.379.184	27.156.317.541
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng (*)	(1.173.213.792)	(271.563.175)
Trích thù lao HĐQT, BKS (*)	(1.173.213.792)	(271.563.175)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo (*)	(2.346.427.584)	(407.344.763)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	112.628.524.016	26.205.846.428
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.395.709	80.395.709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.401</b>	<b>326</b>

(\*) Số liệu trích quỹ Khen thưởng khách hàng, thù lao HĐQT, BKS, quỹ thưởng Ban lãnh đạo, quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này được tính dựa trên kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 49/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	4.904.018.306	4.926.060.080
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	408.000.000	359.382.976
<b>Cộng</b>	<b>5.312.018.306</b>	<b>5.285.443.056</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Bảo hiểm DB	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Bảo hiểm DB</b>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	9.547.969.443	4.615.604.701
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.052.441.195	1.541.302.235
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	355.600.102	336.394.009
Chia cổ tức	30.000.000.000	24.000.000.000
<b>Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam</b>		
Chia cổ tức	18.225.648.000	14.580.518.400
<b>Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT</b>		
Chia cổ tức	13.216.055.000	12.012.844.000
<b>Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA</b>		
Thu tiền Ủy thác đầu tư	12.913.442.872	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang - phải thu tái bảo hiểm	2.650.001.005	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA - phải thu hợp tác kinh doanh	-	12.913.442.872
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>2.650.001.005</b>	<b>12.913.442.872</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty Bảo hiểm DB - phải trả tái bảo hiểm	7.820.642.224	1.690.262.049
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang - phải trả tái bảo hiểm	-	3.701.292.292
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>7.820.642.224</b>	<b>5.391.554.341</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.278.769.788.899	16.627.465.078	2.295.397.253.977
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>2.278.769.788.899</b>	<b>16.627.465.078</b>	<b>2.295.397.253.977</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.316.225.608	2.675.204.061	52.991.429.669
Doanh thu hoạt động tài chính	84.718.713.002	2.908.991.149	87.627.704.151
Chi phí tài chính	3.216.666.865	(1.260.005.787)	1.956.661.078
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	-	1.975.209.465
Thu nhập khác	2.338.592.348	97.727.273	2.436.319.621
Chi phí khác	(646.958.751)	(76.873.977)	(723.832.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(28.883.382.811)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>117.380.108.445</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>13.598.581.317</b>	<b>5.079.518.731</b>	<b>18.678.100.048</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>29.057.681.431</b>	<b>3.241.648.462</b>	<b>32.299.329.893</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Kỳ trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.866.251.151.622	73.194.050.733	1.939.445.202.355
--	-------------------	----------------	-------------------

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
--	---	---	---

<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.866.251.151.622</b>	<b>73.194.050.733</b>	<b>1.939.445.202.355</b>
-----------------------------	--------------------------	-----------------------	--------------------------

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.633.424.208	4.738.258.197	9.371.682.405
---------------------------------	---------------	---------------	---------------

Doanh thu hoạt động tài chính	110.711.661.545	658.732.774	111.370.394.319
-------------------------------	-----------------	-------------	-----------------

Chi phí tài chính	(88.981.410.115)	(1.201.290.829)	(90.182.700.944)
-------------------	------------------	-----------------	------------------

Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	-	1.436.373.203
---	---	---	---------------

Thu nhập khác	405.181.621	-	405.181.621
---------------	-------------	---	-------------

Chi phí khác	(350.164.752)	(29.358.879)	(379.523.631)
--------------	---------------	--------------	---------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(4.848.050.076)
--	---	---	-----------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
---	---	---	---

<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>27.173.356.897</b>
--------------------------------	--	--	-----------------------

<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>58.520.340.385</b>	<b>19.337.987.492</b>	<b>77.858.327.877</b>
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------

<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>19.795.622.449</b>	<b>2.498.099.468</b>	<b>22.293.721.917</b>
---	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực bảo hiểm</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
--	--------------------------	----------------------	-------------

**Số cuối kỳ**

Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.905.502.005.883	67.542.727.697	7.973.044.733.580
-------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
-----------------------------	---	---	---

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
--	---	---	---

<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.973.044.733.580</b>
---------------------	----------	----------	--------------------------

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.028.211.233.163	45.182.033.372	6.073.393.266.535
-----------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
---------------------------------	---	---	---

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
--	---	---	---

<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.073.393.266.535</b>
-------------------------	----------	----------	--------------------------

**Số đầu năm**

Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.536.593.274.453	77.954.053.090	7.614.547.327.543
-------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
-----------------------------	---	---	---

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
--	---	---	---

<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.614.547.327.543</b>
---------------------	----------	----------	--------------------------

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.687.729.188.318	59.255.681.568	5.746.984.869.886
-----------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
---------------------------------	---	---	---

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
--	---	---	---

<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.746.984.869.886</b>
-------------------------	----------	----------	--------------------------



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Đã quá hạn		Cộng
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	và/hoặc bị giảm giá	
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.355.510.395	-	153.355.510.395
Chứng khoán kinh doanh	149.494.380.350	142.664.691.293	292.159.071.643
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.032.383.369.919	8.000.000.000	4.040.383.369.919
Phải thu khách hàng	457.591.084.818	35.613.557.681	493.204.642.499
Các khoản phải thu khác	284.942.823.245	14.822.013.484	299.764.836.728
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.510.000.000	15.000.000.000	41.510.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.104.277.168.727</b>	<b>216.100.262.458</b>	<b>5.320.377.431.184</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.142.382.645	-	118.142.382.645
Chứng khoán kinh doanh	159.994.380.350	354.701.122.868	514.695.503.218
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.243.161.927.033	8.000.000.000	3.251.161.927.033
Phải thu khách hàng	612.776.447.541	39.801.949.487	652.578.397.027
Các khoản phải thu khác	281.681.659.730	14.822.013.484	317.767.656.054
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.510.000.000	69.863.299.985	96.373.299.985
<b>Cộng</b>	<b>4.442.266.797.299</b>	<b>487.188.385.824</b>	<b>4.950.719.165.962</b>

#### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán	613.659.646.279	-	613.659.646.279
Vay và nợ	188.207.130.731	9.117.325.756	197.324.456.487
Các khoản phải trả khác	174.416.074.665	1.261.835.586	175.677.910.251
<b>Cộng</b>	<b>976.282.851.675</b>	<b>10.379.161.342</b>	<b>986.662.013.017</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	554.948.319.769	-	554.948.319.769
Vay và nợ	6.287.285.564	11.360.701.654	17.647.987.218
Các khoản phải trả khác	94.691.483.739	1.320.665.586	96.012.149.325
<b>Cộng</b>	<b>655.927.089.072</b>	<b>12.681.367.240</b>	<b>668.608.456.312</b>

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản ủy thác cho vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm ủy thác cho vay và kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	-
Vay và nợ	(180.762.500.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(180.662.500.000)</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.890.600.000 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 0 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 4.674.545.146 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 9.986.411.401 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán kỳ này giảm mạnh so với kỳ trước do kỳ này Tổng Công ty giảm đầu tư vào các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.355.510.395	-	118.142.382.645	-
Chứng khoán kinh doanh	292.159.071.643	(39.451.884.893)	514.695.503.218	(137.506.487.068)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.032.383.369.919	(7.344.000.000)	3.243.161.927.033	(7.344.000.000)
Phải thu khách hàng	493.204.642.499	(31.882.638.757)	652.578.397.027	(33.656.819.383)
Các khoản phải thu khác	299.764.836.728	(14.822.013.484)	317.767.656.054	(14.822.013.484)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	41.510.000.000	(4.469.439.932)	96.373.299.985	(40.398.571.184)
<b>Cộng</b>	<b>5.312.377.431.184</b>	<b>(97.969.977.066)</b>	<b>4.942.719.165.962</b>	<b>(233.727.891.119)</b>

##### Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	613.659.646.279	554.948.319.769
Vay và nợ	197.324.456.487	17.647.987.218
Các khoản phải trả khác	175.677.910.251	96.012.149.325
<b>Cộng</b>	<b>986.662.013.017</b>	<b>668.608.456.312</b>

##### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	87,23	86,05
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	12,77	13,95
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,17	75,15
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23,83	24,85
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,31	1,33
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,02
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	98,09	113,46
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,38	1,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,12	1,46
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,88	0,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,51	0,38
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>%</b>	<b>6,23</b>	<b>1,53</b>

### 6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tập đoàn trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tập đoàn nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tổng Công ty và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Phụ lục đính kèm (trang 62 – 63) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tập đoàn. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tổng Công ty đã được cấp Giấy phép hoạt động điều chỉnh số 41A/GPĐC25/KDBH về việc thành lập Công ty thành viên – Công ty Bảo hiểm Bưu điện Kiên Giang.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Tiến



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu



**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/7/2018 đến 30/6/2019</b>
<b>I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả</b>	<b>1.899.651.467.045</b>	<b>1.779.827.872.590</b>
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	7.973.044.733.580	7.162.663.597.205
2. Nợ phải trả	6.073.393.266.535	5.382.835.724.615
<b>II. Giá trị tài sản bị loại trừ</b>	<b>422.992.990.913</b>	<b>474.448.087.617</b>
<b>1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán</b>	<b>101.149.381.843</b>	<b>100.743.443.207</b>
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	20.152.200.000	25.693.741.133
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	80.754.810.166	74.067.976.229
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	242.371.677	981.725.845
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-
<b>2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán</b>	<b>321.843.609.071</b>	<b>373.704.644.411</b>
2.1 Các Tài sản đầu tư	83.844.679.126	119.913.791.530
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	7.500.000.000	6.000.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	15.481.920.960	53.930.852.421
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	37.306.988.084	36.177.334.000
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	407.744.544	967.325.626
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	19.866.151.679	19.694.629.865
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	3.281.873.859	3.143.649.618
2.2 Các khoản phải thu	1.324.037.785	1.365.345.837
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	617.892.827	804.702.848

b)	Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	706.144.958	560.642.989
2.3	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	31.845.336.518	27.487.269.238
2.4	Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	204.829.555.642	224.938.237.805
III.	<b>Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)</b>	<b>1.476.658.476.132</b>	<b>1.305.379.784.973</b>
IV.	<b>Biên khả năng thanh toán tối thiểu</b>		
	25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	992.278.311.161	792.011.391.051
	So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
	Chênh lệch theo số tuyệt đối	484.380.164.970	513.368.393.922
	Chênh lệch theo tỷ lệ %	149%	165%

Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

